

Bản án số: 32/2024/DS-ST
Ngày 08- 4 – 2024
“V/v tranh chấp đòi tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Cương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Thắng

Bà Hồ Lệ Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Phượng Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 4 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 345/2023/TLST- DS ngày 09 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp “Đòi lại tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐXXST- DS ngày 28 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Ngọc H, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã TB, huyện B, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn N (vắng mặt)

Ông Trần Văn T (C) vắng mặt.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã TB, huyện B, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Ngọc H trình bày:

Vào ngày 29/8/2019 (âm lịch) ông có cho ông Trần Văn N mượn số tiền 25.000.000 đồng, mục đích mượn để ông N và cha ông N là ông Trần Văn T kinh doanh mua bán nước đá, khi mượn hai bên có viết hợp đồng thoả thuận với điều kiện là ông N và ông T phải lấy nước đá của ông để bán lẻ lại cho người dân, đến khi nào không lấy nước đá nữa phải hoàn lại số tiền trên. Nếu sai thoả thuận thì bồi thường gấp đôi.

Trong quá trình lấy nước đá đến ngày 18/11/2020 ông N và ông T không tiếp tục lấy nước đá của nhà ông nữa mà đi lấy chỗ khác và cũng không trả lại số tiền đã mượn của ông. Ông đã yêu cầu ông N, ông T trả nhiều lần nhưng không thực hiện. Tại đơn khởi kiện buộc ông N và ông T liên đới trả cho ông lại số tiền 25.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại tài sản do không lấy nước đá là 25.000.000 đồng nhưng

tại phiên toà ông thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ buộc ông N và ông T trả lại 25.000.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Bị đơn ông Trần Văn N và Trần Văn T đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định và giấy triệu tập xét xử lần hai nhưng ông N và ông T khước từ nhận văn bản tố tụng, không trình bày lý do cũng không có ý kiến văn bản gửi đến Toà án đối với yêu cầu khởi kiện của ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông Lê Ngọc H khởi kiện bị đơn ông Trần Văn N và ông Trần Văn T yêu cầu trả lại số tiền 25.000.000 đồng đã cho mượn. Nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp “đòi lại tài sản”. Bị đơn ông Trần Văn N và ông Trần Văn T có địa chỉ cư trú tại xã TB, huyện B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Thới Bình theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Văn N và ông Trần Văn T đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông N, ông T vắng mặt tại phiên toà. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Ngọc H buộc bị đơn ông Trần Văn N và ông Trần Văn T trả lại số tiền 25.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ hợp đồng giao kết ngày 29/8/2019 (âm lịch) ông N có mượn của ông H 25.000.000 đồng, hợp đồng có chữ ký và chữ viết của ông N. Chứng tỏ ông N và ông H có giao dịch vay mượn tiền là thật. Hợp đồng mượn tiền nói trên có thoả thuận điều kiện là ông N và ông T cha ông N phải lấy nước đá cây của ông H để bán lẻ lại cho người dân. Nếu không lấy nước đá thì trả lại số tiền đã cho mượn. Thực tế ngày 18/11/2020 ông N, ông T không tiếp tục lấy nước đá của ông H. Tại biên bản hoà giải ngày 13/12//2022 và biên bản hoà giải ngày 04/01/2023 tại Toà án nhân dân huyện B (vụ án trước đây đã đình chỉ) phía ông T cũng thừa nhận ông N và ông T có mượn tiền từ ông H là 25.000.000 đồng và ông T cũng thống nhất trả. Lời thừa nhận của ông T phù hợp với chứng cứ yêu cầu của nguyên đơn nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm thanh toán: Mặc dù, theo hợp đồng ngày 29/8/2019 ông N là người trực tiếp ký tên và nhận tiền nhưng theo các biên bản hoà giải ngày 13/12/2022 và biên bản hoà giải ngày 04/01/2023 tại Toà án nhân dân huyện Thới Bình ông T thừa nhận số tiền trên do ông cùng nhận với anh N và cùng lấy nước đá từ phía ông H, ông đồng ý thanh toán cho ông H nên buộc cả ông N và ông T cùng liên đới trả lại số tiền trên cho ông H là phù hợp.

[5] Về lãi suất chậm thanh toán tại đơn khởi kiện nguyên đơn không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn pH chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định đối với số tiền buộc trả cho nguyên đơn. Nguyên đơn không pH chịu án phí, đã dự nộp tạm ứng án phí được hoàn lại theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 143, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 166, 223 Bộ luật Dân sự. Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn ông Trần Văn N và ông Trần Văn T (C) liên đới thanh toán cho ông Lê Ngọc H số tiền 25.000.000 đồng (*hai mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không tự nguyện thi hành xong, thì pH trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Trần Văn N và ông Trần Văn T pH chịu 1.250.000 đồng. Ông Lê Ngọc H không pH chịu án phí, ngày 08/11/2023 ông H đã dự nộp 1.250.000 đồng theo biên lai thu số 0015771 được nhận lại toàn bộ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nguyên đơn, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Kim Cương